

Bản án số: 242/2020/HC-PT

Ngày: 14/8/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Anh Dũng;

*Các Thẩm phán:*

Bà Phan Thị Vân Hương;

Ông Vũ Minh Tuấn.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hoài, Thư ký  
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*  
Bà Lê Thị Thu Hà, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 03/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2019/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5585/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Bà Quách Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:* Ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Ông Lê Khắc H - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

**\* Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Trụ sở: Số 35, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ: Thị trấn Kim Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
2. Anh Bùi Văn D; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Di:* Ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện là bà Quách Thị D và người đại diện theo ủy quyền của Bà D trình bày:*

Gia đình bà Quách Thị D có thửa đất sử dụng ổn định từ năm 1985, đến năm 2004 Nhà nước có dự án mở rộng tuyến đường Hồ Chí Minh (HCM) đi qua thổ đất của các hộ thuộc Thôn B xã L, huyện T, trong đó có gia đình Bà D. Năm 2004, gia đình Bà D bị thu hồi 1870m<sup>2</sup>, trong đó có 400m<sup>2</sup> đất ở còn lại là đất vườn và đất sản xuất, vị trí đất thuộc các thửa số 139, 245.

Gia đình Bà D không nhận được Quyết định thu hồi đất cũng như phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nên không biết Nhà nước thu hồi đất để làm đường từ thời điểm nào. Đến tháng 02/2005 gia đình Bà D đã nhận tiền bồi thường về đất với số tiền được chia làm nhiều lần và tương ứng với từng thửa đất, giá đất ở 35.000đ/m<sup>2</sup>, đất trồng màu 10.000đ/m<sup>2</sup>.

Đến năm 2017, gia đình Bà D và các hộ dân khác nghe nói các hộ dân ở huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình cũng có đất bị thu hồi mà được bồi thường giá khác nên Bà D cùng với 54 hộ dân ở Thôn B, thôn Đồi và thôn Thống Nhất, xã L ủy quyền cho ông Bùi Quang A và ông Bùi Ngọc Tr khiếu nại về việc UBND huyện T áp dụng đơn giá bồi thường không đúng. Tại quyết định giải quyết khiếu nại (sau đây viết tắt là QĐGQKN) số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T không chấp nhận khiếu nại của các hộ dân.

Ông Trần, ông Ảnh đại diện cho các hộ dân tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã L nằm ở vị trí 1 khu vực 2 nhưng UBND huyện T xác định vị trí 3 khu vực 2 là không đúng; UBND huyện T không áp giá bồi thường theo Quyết định số 4307/2004/UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh là không đảm bảo quyền lợi cho các hộ dân.

Ngày 30/3/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành QĐGQKN số 1096/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Trần, ông Ảnh và một số hộ dân nhận định việc thu hồi, bồi thường đất cho các hộ dân là đúng, khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A là không có cơ sở.

Không đồng ý với các QĐGQKN nói trên, bà Quách Thị D cùng với 54

hộ dân khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết:

- Hủy Quyết định GQKN số 1096/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa;

- Hủy Quyết định GQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện T;

- Yêu cầu áp giá bồi thường cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

*Tại văn bản ý kiến số 8316/UBND-TD ngày 02/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện trình bày:*

1. Việc khiếu nại và quá trình giải quyết khiếu nại: Tháng 01/2018 ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã L, huyện T có đơn khiếu nại đối với QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T với nội dung: Đất ở của 54 hộ dân xã L nằm ở vị trí 1, khu vực 2, nhưng UBND huyện T khi thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đường HCM năm 2005 đã xác định vị trí 3, khu vực 2 là không đúng.; UBND huyện T bồi thường đất ở cho 54 hộ dân xã L không theo đơn giá đất quy định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Sau khi giao cho Thanh tra tỉnh xác minh, kết luận, kiến nghị, ngày 30/3/2018 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1096/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A, đại diện cho 54 hộ dân ở xã L, huyện T (trong đó có hộ Bà D).

2. Về phân khu vực và vị trí đất ở tại xã L, huyện T:

Căn cứ Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 và Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND huyện T đã ban hành hai Quyết định để phân khu vực và vị trí đất ở của các xã trên địa bàn huyện T gồm: Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 quy định: Khu vực dọc đường HCM thuộc xã L là đất thuộc vị trí 1, đường loại III, giá đất ở 35.000đ/m<sup>2</sup>. Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005 quy định đất ở tại xã L được phân thành 3 khu vực 1,2,3 và tất cả đất ở của các hộ đều xác định là vị trí 3 của các khu vực tương ứng.

Căn cứ Tờ trình của UBND huyện T và Hội đồng thẩm định dự toán đền bù cấp tỉnh, ngày 15/12/2004 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 4043/QĐ-Chủ tọa phiên tòa về việc phê duyệt dự toán bồi thường dự án đường HCM từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã L, huyện T.

Như vậy, tại thời điểm kiểm kê, áp giá bồi thường GPMB đường HCM Đoạn Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã L, Hội đồng bồi thường GPMB huyện T áp dụng “Bảng phân loại đường và vị trí để xác định giá đất” ban hành kèm theo Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện T là

đúng quy định. Quyết định này chỉ phân “khu vực dọc đường HCM thuộc xã L” là đất thuộc vị trí 1, đường loại III (giá đất ở 35.000/m<sup>2</sup>), không phân thành các khu vực 1, 2, 3. Do đó, việc công dân đòi được áp giá bồi thường đất ở theo vị trí 1 khu vực 2 của xã miền núi là không có căn cứ.

### 3. Việc áp giá bồi thường:

a) Việc áp giá bồi thường đất ở trước khi có Quyết định số 4307/QĐ-UBND: Ngày 15/12/2004, Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định số 4303/QĐ-CT về việc phê duyệt dự toán bồi thường dự án đường HCM từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã L. Tại Quyết định này, bồi thường đất ở cho các hộ dân là 35.000/m<sup>2</sup>.

### b) Việc điều chỉnh bồi thường về giá đất ở:

Ngày 30/12/2004, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND về việc “Qui định giá các loại đất” để thay thế Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3207/TB-UB ngày 16/8/2004: *“Do xã L ở địa bàn giáp ranh với tỉnh Hòa Bình và là xã đặc biệt khó khăn nên thống nhất giá đền bù thiệt hại đối với những hạng mục mà đơn giá đền bù của tỉnh Thanh Hóa thấp hơn với đơn giá đền bù của tỉnh Hòa Bình thì cho áp dụng đơn giá của tỉnh Hòa Bình”*.

Ngày 15/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 457/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 + 600 đến Km 100 qua xã L, điều chỉnh tăng mức bồi thường về giá đất ở cho tất cả các hộ dân được tăng thêm 5.000đ/m<sup>2</sup> (từ 35.000 đ/m<sup>2</sup> lên 40.000/m<sup>2</sup>).

Ngày 23/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 526/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung tăng dự toán bồi thường dự án đường Hồ Chí Minh từ Km 95 +600 đến Km 100 qua xã L, điều chỉnh tăng mức bồi thường về giá đất vườn, đất nông nghiệp và tăng thêm mức hỗ trợ đời sống.

Qua kiểm tra dự toán bồi thường GPMB thấy: Tất cả các hộ dân của xã L đều được áp dụng đơn giá đối với đất ở cùng vị trí như nhau với mức 40.000đ/m<sup>2</sup> là mức giá cao nhất của địa bàn xã L (tương ứng với vị trí 3 của khu vực 1, xã miền núi theo Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh).

Như vậy, việc Hội đồng bồi thường GPMB huyện T bồi thường đất ở cho 54 hộ dân của xã L theo mức giá 40.000đ/m<sup>2</sup> tại thời điểm tháng 02/2005 là có lợi cho dân theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Văn bản số 3207/TB-UB ngày 16/8/2004, đúng với mức giá qui định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh và Nghị định số

197/2004/NĐ-CP ngày 30/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, việc các công dân đòi được áp giá bồi thường đất ở theo vị trí 1, khu vực 2 của xã miền núi và khiếu nại “UBND huyện T bồi thường đất ở cho 54 hộ dân xã L huyện T không theo đơn giá đất qui định tại Quyết định số 4307/2004/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa” là không có cơ sở. Ngày 30/3/2018, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1096/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của của ông Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A đại diện cho 54 hộ dân ở xã L, huyện T là đúng quy định của pháp luật. Việc Bùi Ngọc Tr và ông Bùi Quang A và một số công dân xã L, huyện T (trong đó có bà Quách Thị D) khiếu nại là không có cơ sở.

*Tại Biên bản đối thoại, Biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T trình bày:*

Về hồ sơ quản lý đất đai: Từ năm 2003 trở về trước tại khu vực thôn Đồi, Thôn B, thôn Thống Nhất xã L không có hồ sơ quản lý đến từng thửa đất. Năm 2003 khi thực hiện dự án xây dựng đường HCM theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới có “Sơ đồ tuyến đường Hồ Chí Minh” tại xã L từ Km 95+600 đến Km 100, được Sở TN&MT tỉnh Thanh Hóa phê duyệt. Sơ đồ này phản ánh hiện trạng đường mòn HCM cũ và chỉ giới GPMB xây dựng đường HCM mới. Hiện trạng đường HCM trước khi thực hiện dự án là đường đất có chiều rộng khoảng 4-5m. Thời điểm bắt đầu kiểm kê tại xã L vào tháng 3/2004 (áp dụng Luật đất đai 1993 sửa đổi năm 2001), GPMB xong tháng 2/2005, thông tuyến đưa vào sử dụng năm 2007.

Về căn cứ xác định vị trí đất và áp giá bồi thường: Tất cả các hộ đều được xác định vị trí 1 của đường loại III và áp giá theo gạch đầu dòng thứ 4 tại khoản 1, mục III Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/3/2004 của UBND huyện T, giá đất ở là 35.000đ/m<sup>2</sup>. Cơ sở để UBND huyện ban hành Quyết định quy định bảng giá đất là tại Điều 3 Quyết định số 1531/2003/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh, giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất. UBND huyện T đã căn cứ vào điều kiện phát triển hạ tầng của từng khu vực và nhóm các xã thành các khu vực, từ đó phân ra các loại đường để xác định giá đất.

Tại Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh, Điều 2 vẫn giao cho UBND các huyện tiến hành phân vùng, phân hạng, phân vị trí, phân loại đất để làm cơ sở áp giá, theo đó ngày 15/8/2005 UBND huyện T ban hành Quyết định số 900/2005/QĐ-UBND quy định giá đất tại thôn Thống Nhất là 40.000đ/m<sup>2</sup>; thôn Đồi và Thôn B là 22.000đ/m<sup>2</sup>.

Về việc phê duyệt bồi thường: Dự án xây dựng đường HCM tại huyện T

do UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định số 4043/QĐ-CT ngày 15/12/2004; số 4025/QĐ-CT ngày 24/12/2004; số 457/QĐ-UBND ngày 15/02/2005 và số 526/QĐ-CT ngày 23/02/2005. UBND huyện T không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, mà chỉ tham gia thành viên Ban GPMB trình UBND tỉnh ký và trực tiếp chi trả đền bù, sau khi có khiếu nại thì Chủ tịch UBND huyện ban hành QĐGQKN số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018.

Hiện nay có 54 hộ dân đang khiếu kiện chưa đồng ý với giá bồi thường về đất, trong đó hộ bà Quách Thị D bị thu hồi 400m<sup>2</sup> được bồi thường là đất ở. HDBTGPMB áp giá bồi thường cho hộ Bà D là 35.000 đ/m<sup>2</sup>. Sau đó, căn cứ Thông báo số 3207/TB ngày 16/8/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với nội dung xã L được áp dụng giá đất giống như tỉnh Hòa Bình, nên UBND tỉnh có Quyết định phê duyệt bổ sung nâng mức bồi thường cho cho hộ Bà D và các hộ mức 40.000đ/m<sup>2</sup>. Tại thời điểm đó, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình cùng thực hiện dự án nhưng đến năm 2017 mới có kinh phí, giá bồi thường của tỉnh Hòa Bình được áp dụng tại thời điểm chi trả nên cao hơn, nên việc các hộ dân so sánh là không đúng. Việc xác định vị trí, giá đất bồi thường đối với hộ Bà D là đúng quy định.

*Chủ tịch UBND xã L trình bày:* Thống nhất với quan điểm giải quyết của UBND huyện T và bổ sung thêm: Năm 2001 có bản đồ tuyến và có giấy xác nhận nguồn gốc đất của địa phương thì các hộ dân mới có cơ sở để được đền bù về đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Bùi Văn D (là con trai Bà D): Thống nhất với ý kiến của bà Quách Thị D.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành đối thoại theo quy định của Luật TTHC nhưng các bên không thống nhất được việc giải quyết, do đó vụ án được đưa ra xét xử.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2019/HC-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 116; khoản 1

Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính. Điều 39 Luật đất đai 2003. Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ. Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị D về các nội dung:

- Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr, ông Bùi Quang A và một số công dân xã L, huyện T;

- Yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ bà Quách Thị D.

Ngoài ra, Tòa án còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/11/2019, người khởi kiện là bà Quách Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt.

- Ông Lê Khắc H - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện tranh tụng: Việc giải quyết khiếu nại của UBND huyện T và UBND tỉnh Thanh Hóa đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình Bà D; bởi lẽ: *Thứ nhất, về trình tự thủ tục thu hồi đất*: Trong quá trình thu hồi đất, ban giải phóng mặt bằng huyện T đã không thực hiện đúng quy định như ra thông báo thu hồi, lập phương án bồi thường và hỗ trợ tái định cư, ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường... thực tế gia đình Bà D không nhận được bất kỳ thông báo hay quyết định nào. *Thứ hai, về việc áp dụng giá đất*: Theo quy định tại Điều 55; khoản 3, 4 Điều 56 Luật Đất đai năm 2003 thì UBND cấp tỉnh mới là cơ quan có thẩm quyền ban hành giá đất làm căn cứ tính thuế sử dụng đất,...tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, theo trình bày của đại diện UBND huyện T và Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa và UBND huyện T thì: Cơ sở để UBND huyện T áp giá bồi thường được quy định tại Quyết định 88/2004 ngày 20/3/2004 của UBND huyện T là tại Điều 3 Quyết định 1531/QĐ-UB của UBND tỉnh Thanh Hóa ngày 16/5/2003 về việc quy định giá các loại đất có nêu: "Giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố để quy định loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất". Như vậy, UBND tỉnh Thanh Hóa chỉ giao cho UBND cấp huyện phân loại đường phố, còn thẩm quyền ban hành bảng giá đất phải là UBND cấp tỉnh. Do đó, việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện T áp dụng giá đất được quy định tại Quyết định 88/2004 ngày 20/3/2004 của UBND huyện T để xác định vị trí và áp giá bồi thường cho gia đình Bà D là trái với quy định pháp luật. *Thứ ba*: Tại Quyết định số 1096/2018/QĐ-UB ngày 30/3/2018 của Chủ

tịch UBND tỉnh Thanh Hóa thì khẳng định việc Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng đường Hồ Chí Minh huyện T bồi thường đất ở cho tất cả 54 hộ dân của xã L theo mức 40.000đ/m<sup>2</sup> tại thời điểm tháng 02/2005 là giá đất ở vị trí 3, khu vực 1 xã miền núi theo Quyết định số 4307/QĐ-UB ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa là đúng. Tuy nhiên, tại Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND huyện T lại xác nhận việc trả tiền bồi thường cho bà con xã L là áp dụng đơn giá của Quyết định số 88/2004 ngày 20/3/2004 của UBND huyện T. Như vậy, cùng một nội dung áp dụng đơn giá bồi thường nhưng các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện T và UBND tỉnh Thanh Hóa lại có nhận định việc áp dụng văn bản mâu thuẫn và khác nhau. *Thứ tư, về xác định vị trí đất bị thu hồi:* Diện tích đất bị thu hồi của gia đình Bà D và các hộ dân trong diện bị thu hồi đều nằm dọc hai bên đường mòn Hồ Chí Minh đã được hình thành từ những năm kháng chiến chống Mỹ, có chiều rộng khoảng 5-6m, có hai làn xe ô tô chạy, đây là con đường giao thông liên tỉnh, mang tính huyết mạch lúc bấy giờ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính 2015; chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của bà Quách Thị D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng, phiên tòa đã được triệu tập lần thứ 2, đương sự được triệu tập có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, phù hợp quy định Luật Tổ tụng hành chính nên đề nghị xét xử vắng mặt. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà D, áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

*Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện về việc giải quyết vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu của bà Quách Thị D về việc hủy QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T và QĐGQKN của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa:

[1.1] Về thẩm quyền ban hành: Các QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T và của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa được ban hành đúng quy định tại Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011.

Về thời hiệu giải quyết khiếu nại: Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng đường Hồ Chí Minh tại xã L từ Km 95+600 đến Km 100 được UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành từ năm 2004 đến năm 2006, hộ Bà D được phê duyệt bồi thường về đất tại Quyết định số 526/QĐ-CT ngày 23/02/2005, tháng 2/2005 hộ Bà D đã nhận bồi thường.



Đến ngày 24/11/2017 ông Trần, ông Ảnh mới đại diện cho 54 hộ (trong đó có hộ Bà D) khiếu nại về đơn giá bồi thường đất ở là đã quá thời hiệu khiếu nại quy định tại Điều 9; khoản 6 Điều 11 Luật khiếu nại. Nhưng do thời gian thực hiện dự án đã lâu và không có tài liệu chứng minh UBND huyện T đã thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường, hoặc các hộ đã được nhận Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, nhưng để xem xét thấu đáo quyền lợi cho 54 hộ dân có khiếu kiện, UBND huyện T và UBND tỉnh Thanh Hóa vẫn giải quyết khiếu nại, tuy nhiên UBND huyện T cần rút kinh nghiệm trong việc gửi, niêm yết Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho các hộ dân.

[1.2] Về nội dung, căn cứ giải quyết khiếu nại:

Thực hiện dự án xây dựng đường HCM, tại Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 04/11/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, kèm theo Tờ trình số 348/TTr-UB ngày 18/6/2004 của UBND huyện T, hộ Bà D bị thu hồi diện tích 1870m<sup>2</sup> gồm đất ở, đất vườn, đất sản xuất, vị trí đất thuộc các thửa số 139, 245. Tháng 02/2005, Bà D đã nhận tiền bồi thường về đất ở với mức 40.000đ/m<sup>2</sup>, đất vườn 18.000đ/m<sup>2</sup>, đất trồng mía 9.800.000đ/m<sup>2</sup>. Trong nội dung khiếu nại lần đầu, Bà D và các hộ cho rằng “UBND huyện T thu hồi đất năm 2005 nhưng khi thực hiện bồi thường không áp dụng giá đất theo Quyết định 4307”.

Xét thấy, khoản 4 Điều 56 Luật đất đai năm 2003 quy định: “...Giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định được công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 hàng năm, được sử dụng làm căn cứ để tính thuế sử dụng đất, ..., bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất”. Thời điểm thực hiện dự án, tại Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định khung giá đất dân cư nông thôn đối với xã miền núi có giá thấp nhất là 5.600đ, cao nhất là 16.100đ/m<sup>2</sup> và Điều 2 của Quyết định này “Giao cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ tiêu chuẩn phân loại đường phố để quy định loại đường phố thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở xác định giá đất và mức thu tiền đất”. Ngày 10/3/2004, UBND huyện T ban hành Quyết định số 88/QĐ-UBND về việc “quy định giá các loại đất”, (trong đó khu vực dọc đường HCM tại xã L thuộc vị trí 1 của đường loại III, có giá 35.000đ/m<sup>2</sup>) là thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, việc phân loại đường của UBND huyện T cũng phù hợp với các tiêu chí hướng dẫn tại Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ cụ thể tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định về “phương pháp xác định giá các loại đất” quy định đất ở nông thôn được chia ba khu vực, khu vực 1 là đất có mặt tiền tiếp giáp với trục giao thông chính nằm tại trung tâm xã, cụm xã; khu vực 2 nằm ven các trục giao thông liên thôn, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất; khu vực 3 là những vị trí còn lại. Thực tế, đất của các hộ

nằm dọc đường mòn HCM cũ không tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ ..., do đó không thuộc khu vực 2 mà thuộc khu vực 3. Theo đó, tại các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND tỉnh Thanh Hóa xác định đất ở của các hộ bị ảnh hưởng do dự án xây dựng đường HCM tại Km95+600 đến Km100 đều thuộc vị trí 1 đường loại III, có đơn giá 35.000đ/m<sup>2</sup>. Xuất phát từ tình hình của xã L là xã đặc biệt khó khăn, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Văn bản số 3207/TB-UBND ngày 16/8/2004 chỉ đạo nâng mức giá bồi thường thiệt hại và hỗ trợ theo đơn giá giáp ranh của tỉnh Hòa Bình, nên ngày 15/02/2005, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 457/QĐ-CT về việc phê duyệt điều chỉnh tăng dự toán bồi thường dự án đường HCM qua xã L về đất ở cho tất cả các hộ thêm 5.000đ/m<sup>2</sup>.

Tham khảo Bảng giá đất của tỉnh Hòa Bình tại xã Ân Nghĩa, huyện Lạc Sơn là xã giáp ranh với xã L, huyện T cùng thời điểm thực hiện dự án, tại Quyết định số 21/2003/QĐ-UBND ngày 30/3/2003 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định đơn giá đất ở nông thôn là 24.000đ/m<sup>2</sup>, đến ngày 14/11/2006 UBND tỉnh Hòa Bình mới có văn bản số 1924/UBND-CN cho phép áp dụng hệ số K = 2,91 cho diện tích đất ở bị thu hồi ( $24.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 2,91 = 70.000\text{đ}/\text{m}^2$ ), nhưng tại thời điểm này xã L, huyện T đã thực hiện bồi thường xong. Do đó, việc các hộ dân xã L trong đó có hộ gia đình bà Quách Thị D so sánh với đơn giá bồi thường của huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình với đơn giá đất đã nhận bồi thường năm 2005 là không phù hợp.

[1.3] Về thời điểm áp dụng đơn giá bồi thường: Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/2004 ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định: “*Giá đất bồi thường là giá theo mục đích sử dụng tại thời điểm có Quyết định thu hồi*”. Hộ Bà D được kiểm kê tháng 3/2004. Ngày 04/11/2004, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 3506/QĐ-UBND về việc thu hồi đất giao cho BQLDA 5 Bộ Giao thông vận tải để xây dựng đường HCM từ Km95+600 đến Km100, trong đó có hộ Bà D, và đơn giá bồi thường đất ở được thực hiện theo Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh và Quyết định số 88/2004/QĐ-UBND ngày 10/4/2003 của UBND huyện T. Do đó, việc các hộ yêu cầu áp dụng đơn giá bồi thường đất ở theo Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/12/2004 của UBND tỉnh Thanh Hóa là không phù hợp, vì tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất thì Quyết định 4307 chưa có hiệu lực thi hành.

[2] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định việc UBND huyện T xác định vị trí, đơn giá đất làm cơ sở trình UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường về đất đối với hộ Bà D là đúng quy định của pháp luật. Bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy QĐGQKN của Chủ tịch UBND huyện T, hủy QĐGQKN của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa và yêu cầu được áp giá bồi thường lại cho gia đình bà là không có căn cứ chấp nhận. Vì

vậy, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của bà Quách Thị D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Hộ Bà D thuộc xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt biệt khó khăn, là đối tượng được trợ giúp pháp lý nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và miễn án phí hành chính phúc thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí bà đã nộp.

Vì các lẽ trên, Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của bà Quách Thị D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 39 Luật đất đai 2003. Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ. Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Điều 18; Điều 21; Điều 31; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị D về các nội dung:

- Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Hủy Quyết định số 1096/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Ngọc Tr, ông Bùi Quang A và một số công dân xã L, huyện T;

- Yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền thực hiện bồi thường lại đối với hộ bà Quách Thị D.

2. Về án phí: Bà Quách Thị D được miễn án phí hành chính sơ thẩm và miễn án phí hành chính phúc thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí bà đã nộp. Trả cho bà Quách Thị D 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2018/0004462 ngày 20/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Anh Dũng**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Minh Tuấn**

**Phan Thị Vân Hương**

**Ngô Anh Dũng**



